TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 198/2024/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 26 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 618/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh BT;

Địa chỉ liên lạc: Số 33/34 Lạc Long Quân, thị trấn D, huyện K, tỉnh K.

- Ông Lê Khắc T, sinh năm 1991;

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, ấp 5, xã Th, huyện V, tỉnh ĐN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành hòa giải để bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Khắc T đoàn tụ nhưng bà N và ông T không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Khắc T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh ĐN và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2012, ngày 24/8/2012. Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, bà N và ông T không đoàn tụ về chung sống với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sự tự nguyện của ông, bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/01/2013. Bà N và ông T đã thỏa thuận, thống nhất giao cháu Lê Nguyễn Tường V cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con chung của bà N và ông T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà N và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà N và ông T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà N, ông T phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Khắc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/01/2013 cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết; về nợ chung: các đương sự đều khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Khắc T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0010344 ngày 05/12/2024 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số

0010345 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà N, ông T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Th,
  huyện V, tỉnh ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Quang Tuyến